

Xây dựng đô thị mới thân thiện và thích ứng với già hóa

LÀ NGỌC MAI*

Tóm tắt

Tiếp cận từ góc độ phân tích nhu cầu của người cao tuổi, cũng như số lượng người cao tuổi ngày càng tăng cao ở khu vực đô thị qua số liệu Tổng Điều tra dân số và nhà ở các năm và Điều tra biến động dân số kế hoạch hóa gia đình của Việt Nam, tác giả đã khái quát quá trình già hóa dân số ở Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả cũng tổng hợp những lý thuyết, cũng như thực tiễn của một số thành phố phát triển đã áp dụng phương pháp tiếp cận già hóa chủ động do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) triển khai trong chiến dịch "Active Aging" của họ, từ đó đưa ra những định hướng về xây dựng đô thị mới thân thiện, thích ứng hơn với dân số già trong tương lai (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

Từ khóa: già hóa dân số ở Việt Nam, đô thị mới thân thiện, người cao tuổi

Summary

Based on the analysis of the elderly's needs, as well as the increasing number of the elderly in urban areas according to Population and housing census data and Population change and family planning surveys in Vietnam, the author has generalized the process of population ageing in Vietnam. In addition, the author summarizes previous theories and practices of some developed cities that have applied Active Aging model designed by the World Health Organization (WHO), and then proposes directions on building age-friendly cities in the future (In this article, decimal numbers are written under international standards).

Keywords: aging population in Vietnam, friendly cities, the elderly

GIỚI THIỆU

Theo Liên hợp quốc, từ năm 2014, Việt Nam đã chính thức bước vào quá trình già hóa dân số và dự báo nước chúng ta chỉ mất có 20 năm để tỷ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng từ 7% lên 14%. Tính đến ngày 01/4/2019, theo Tổng cục Thống kê, dân số Việt Nam đạt hơn 96 triệu người, tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên tăng từ 9.4% năm 2010 lên 10.4% năm 2013 và đạt 11.95% năm 2018. Dự báo, tỷ lệ người cao tuổi ở nước ta tiếp tục tăng qua các năm: đến năm 2038, tỷ lệ người cao tuổi sẽ đạt 20% dân số; năm 2049 là 25%, tức là cứ 4 người dân có một người cao tuổi. Số lượng người cao tuổi ngày càng tăng cao cùng tỷ lệ dân số thành thị cũng tăng nhanh từ 23.7% năm 1999 lên 34.4% năm 2019 (Giang Thanh Long, 2019), cho thấy rằng, khi mà chúng ta chưa kịp đạt tới tốc độ đô thị hóa hay tỷ lệ dân số thành thị với mặt bằng chung thế giới, thì dân số tại các đô thị của Việt Nam đã già. Việc nghiên cứu này giúp chúng ta có bước chuẩn bị

tiếp cận, cũng như xây dựng các đô thị kiểu mẫu mới thân thiện, phù hợp với xu hướng già hóa dân số để vững vàng bước vào già hóa một cách chủ động.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Già hóa tại các đô thị là một khái niệm mới liên quan đến người cao tuổi sống trong các khu vực thành thị ngày càng tăng lên; đây là một hiện tượng tất yếu, tích cực và đầy thách thức, vì già hóa dân số và đô thị hóa đều thể hiện sự phát triển thành công của con người, cũng như quốc gia. Tuy nhiên, có nhiều quan điểm cho rằng, già hóa nói chung và già hóa tại các đô thị nói riêng như một "quả bom hẹn giờ" có tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, an sinh xã hội, cũng như cầu về dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe.

Dựa trên kết quả Điều tra lao động và việc làm năm 2014, 2019, Tổng Điều tra dân số và nhà ở từ năm 1979 đến 2019 của Tổng cục Thống kê và các điều tra xã hội học về người cao tuổi từ năm 2014 đến 2019, tác giả đã tiến hành tổng hợp, phân tích sự biến động về quy mô, cơ cấu dân số của người cao tuổi. Đồng thời, tác giả thực hiện quan sát, đánh giá hoạt động của các thành phố đã áp dụng chiến lược xây dựng thành phố thân thiện theo danh sách của WHO trong báo cáo về

* Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Ngày nhận bài: 30/5/2020; Ngày phân biên: 08/6/2020; Ngày duyệt đăng: 15/6/2020

BẢNG 1: SỐ LƯỢNG VÀ TỶ LỆ NGƯỜI CAO TUỔI (TỪ 60+) Ở VIỆT NAM

Đơn vị tính: Triệu người

Phương pháp điều tra	Năm	Số dân ngày 1/4	Số người cao tuổi (từ 60+)	Tỷ lệ người cao tuổi (%)	Tốc độ tăng dân số (%) thời kỳ	Tốc độ tăng người cao tuổi (từ 60+) (%) thời kỳ
Tổng điều tra	1979	53.74	3.71	6.9		
	1989	64.41	4.64	7.2	19.8	25.0
	1999	76.32	6.19	8.1	18.5	33.0
	2009	85.85	7.72	9.0	12.4	24.7
Điều tra biến động	2010	86.75	8.13	9.4		
	2011	87.61	8.66	9.9		
	2012	88.77	9.06	10.2		
Dự báo	2040	107	22.17	20.7		
	2049	108.7	26.95	24.8		

Nguồn: Tổng Điều tra dân số và nhà ở các năm 1979, 1989, 1999, 2009.

Điều tra biến động dân số năm 2012; Kết quả dự báo dân số Việt Nam 2012 - 2049.

BẢNG 2: TỶ LỆ NGƯỜI CAO TUỔI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1979 ĐẾN 2049

Đơn vị tính: %

Nhóm tuổi	1979	1989	1999	2009	2019	2029	2039	2049
64	2.28	2.4	2.31	2.26	4.29	5.28	5.8	7.04
69	1.9	1.9	2.2	1.81	2.78	4.56	5.21	6.14
74	1.34	1.4	1.58	1.65	1.67	3.36	4.3	4.89
79	0.9	0.8	1.09	1.4	1.16	1.91	3.28	3.87
	0.54	0.7	0.93	1.47	1.48	1.55	2.78	4.16
Tổng dân từ 60+	6.96	7.2	8.11	8.59	11.38	16.66	21.37	26.1

Nguồn: Tổng Điều tra dân số và nhà ở các năm 1979, 1989, 1999, 2009, 2019.

và dự báo dân số của Trung tâm Thống kê.

BẢNG 3: TỶ SỐ GIỚI TÍNH CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TỪ NĂM 1979 ĐẾN 2016

Đơn vị tính: %

Nhóm tuổi/Năm	1979	1989	1999	2009	2016
69	78.14	79.5	79.34	78.4	78.13
79	65.03	64	66.01	69.31	70.92
	46.51	46.81	48.39	52.34	54.64

Nguồn: Xu hướng già hóa dân số từ 60+ và mức sống hưu giả định ở Việt Nam và số liệu của Tổng cục Thống kê.

“Active Ageing” năm 2008 của họ. Những thành phố này như một phòng thí nghiệm xã hội rộng lớn đang kiểm tra các chiến lược của thành phố trong công cuộc duy trì sức khỏe và sự độc lập của người cao tuổi.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực trạng về quá trình già hóa và người cao tuổi ở đô thị tại Việt Nam

Số lượng người cao tuổi Việt Nam

Theo Luật Người cao tuổi, người cao tuổi là công dân Việt Nam từ 60 tuổi trở lên. Tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam cao hơn so với mức trung bình của các nước đang phát triển và tăng nhanh hơn tốc độ tăng trung bình của thế giới. Tỷ lệ dân số cao tuổi trên 65 tuổi tăng đều đặn từ 5.8% vào năm 1999 lên 6.4% vào năm 2009 và năm 2019 là 7.7%. Báo cáo Già hóa Dân số Thế giới năm 2013 dự báo, tổng số người cao tuổi sẽ lần đầu tiên lớn hơn tổng số trẻ em trên toàn cầu vào năm 2047. Số liệu Bảng 1 cho thấy, từ năm 1979, người cao tuổi của Việt Nam tăng lên nhanh chóng cả về số lượng và tỷ lệ.

Cấu trúc người cao tuổi Việt Nam Cơ cấu theo tuổi

Số liệu từ các cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở cho thấy, số lượng người cao tuổi ở nhóm tuổi thấp nhất (từ 60 đến 69) tăng chậm, trong khi đó số lượng người cao tuổi ở nhóm cao tuổi trung bình (70-79) và già nhất (80+) có xu hướng tăng nhanh hơn. Năm 1979, tỷ lệ người ở tuổi 80 trở lên trong tổng dân số là 0.54%, thì năm 1989 là 0.7%, năm 1999 là 0.93%, năm 2009 là 1.47% dự đoán đến năm 2049 con số này tăng lên là 4.16%. Dân số Việt Nam không chỉ đang già đi, mà chính bản thân số người cao tuổi cũng tăng lên già hơn, tỷ lệ người trên 80 tuổi đang có xu hướng tăng nhanh (Bảng 2).

Cơ cấu theo giới

Tỷ số giới tính là tỷ số phản ánh số lượng nam giới trên 100 nữ giới. Bảng 3 cho thấy, ở độ tuổi 60-64 năm 1979, cứ 81.75 cu ông có 100 cu bà, nhưng đến trên 80 tuổi, chỉ có 46 cu ông có 100 cu bà. Xu hướng chung là lên độ tuổi càng cao, thì số cu bà càng nhiều hơn so với cu ông. Ở độ tuổi 80 trở lên, tỷ số giới tính dao động trong khoảng 50, có nghĩa là cứ 50 cu ông có 100 cu bà; hay nói cách khác, cứ 2 cu bà có 1 cu ông.

Già hóa chủ yếu là già hoá nữ, phụ nữ tuy sức khỏe yếu hơn so với nam giới, nhưng phụ nữ lại sống lâu hơn, do nhiều nguyên nhân, như: yếu tố sinh học (chủ yếu là do di truyền và sự khác biệt giữa nội tiết giới tính); yếu tố hành vi (nguy cơ do vai trò xã hội (các yếu tố hành vi và môi trường, như: hút thuốc, uống rượu, chế độ ăn uống, lái xe ô tô, rùi ro sức khỏe tại nơi làm việc, căng thẳng xã hội...) và các yếu tố kinh tế - xã hội khác, như: địa vị kinh tế, địa vị xã hội của phụ nữ, giáo dục, nghề nghiệp, môi trường kém vệ sinh, thiếu dinh dưỡng, thiếu chăm sóc với phụ nữ trong giai đoạn sinh sản... (Nguyễn Nam Phương và Ngô Quỳnh An, 2016).

Theo vùng, thành thị và nông thôn

Do có sự biến đổi về cơ cấu tuổi của dân số ở Việt Nam theo xu hướng tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi giảm và tỷ trọng của người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên tăng đã làm cho chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng trong 20 năm qua. Chỉ số già hóa năm 2019 là 48.8%, tăng hơn 13.3 điểm phần trăm so với năm 2009, tăng gấp hơn hai lần so với năm 1999 và chỉ số này còn có xu hướng tiếp tục tăng cao trong các năm sắp tới.

Đồng bằng sông Hồng và Đông bằng sông Cửu Long là hai vùng kinh tế - xã

hội có chỉ số già hóa cao nhất toàn quốc lần lượt là 58.5% và 57.4%. Bên cạnh đó, Tây Nguyên là nơi có chỉ số già hóa thấp nhất cả nước là 27.1%. Hơn thế, có thể thấy, hầu hết tại các vùng kinh tế - xã hội: thì khu vực thành thị đều có chỉ số già hóa cao hơn nhiều so với khu vực nông thôn, có nơi cao hơn tới gần 16%. Già hóa dân số đang trở thành chủ đề được quan tâm không chỉ ở Việt Nam, mà còn trên toàn thế giới. Già hóa tác động tới hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội: thị trường lao động, tài chính, nhu cầu hàng hóa, giáo dục, an sinh xã hội, dịch vụ y tế... Và, trong già hóa dân số, thì già hóa dân số tại các đô thị là xu thế tất yếu, cũng như đang diễn ra mạnh mẽ hơn cả, ở nước ta.

Mức độ thân thiện với người cao tuổi tại các đô thị Việt Nam hiện nay

Tại Việt Nam, tuổi có mối tương quan thuận chiều với xác suất sống một mình. Tuổi càng cao, xác suất sống một mình càng cao (Bảng 4). Phụ nữ cao tuổi sống một mình chiếm 19.4%, cao gần gấp đôi so với nam giới cao tuổi (chiếm 10.7%). Nguyên nhân của hiện tượng này không chỉ do phụ nữ thường sống lâu hơn nam giới, mà phụ nữ cũng ít kết hôn lại sau khi ly hôn hay vợ hoặc chồng chết như nam giới. Tỷ lệ người cao tuổi sống độc thân tại thành thị và nông thôn đều chiếm tỷ lệ cao, với nhóm tuổi nhạy cảm về nhu cầu chăm sóc, đặc biệt từ 80 tuổi trở lên.

Người cao tuổi sống tại các khu vực nông thôn, tuy có khó khăn hơn về vật chất, nhưng các cụ lại có bạn bè, bà con lối xóm, họ hàng qua lại rất chuần. Cùng với đó, họ cũng có các hoạt động thể chất, như: làm vườn, trồng rau, nuôi lợn, gà... không khí cũng trong lành thoáng đãng hơn. nên đời sống vui vẻ, thoải mái hơn. Trong khi đó, người cao tuổi sống tại các đô thị lại đang chịu cảnh cô đơn nhiều hơn, ngay cả khi họ đang sống với con cái trong gia đình của mình. Thực tế hiện nay, con cháu ở thành thị có cuộc sống bận rộn, đi học, đi làm, làm thêm, học ngoài giờ... tới về lại chơi điện tử, dùng điện thoại thông minh... nên niềm vui tuổi già là quây quần bên con cháu lại đang bị cuộc sống hiện đại lấy đi mất. Nhiều gia đình cũng không mong muốn cho bố/me, ông/bà họ tham gia nhiều các hoạt động xã hội do sợ bị ngã, bị thương. Vì thế, nhiều người cao tuổi ở đô thị bị nhốt trong khuôn viên nhà ở chật hẹp và thiếu thốn trầm trọng các hoạt động xã hội, cũng như không được chăm sóc về sức khỏe tinh thần.

BẢNG 4: PHẦN TRĂM SỐ NGƯỜI CAO TUỔI SỐNG CÔ ĐƠN Ở VIỆT NAM NĂM 2014

Nhóm tuổi	Đơn vị tính: %			
	Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
60+	1.8	4.2	1.8	3.8
80+	10.7	19.4	11.3	18.2

Nguồn: <https://data.vietnam.opendata.worldbank.org/>

Hiểu nhu cầu, đặc điểm của người cao tuổi, cũng như xu hướng tăng nhanh số lượng người cao tuổi, việc xây dựng các khu đô thị mới thân thiện với già hóa dân số là một điều cấp thiết cần được cân nhắc, xem xét, nghiên cứu và đầu tư nghiêm túc hơn. Đô thị hóa trong điều kiện dân số đang già đi, thì xây dựng đô thị kiểu mẫu thân thiện với người cao tuổi là bước tiến mới trong công cuộc tiến tới già hóa chủ động.

Xây dựng khu đô thị mới thân thiện với già hóa tại các đô thị

Một thành phố thân thiện với người cao tuổi là thành phố tạo được môi trường hỗ trợ cho người cao tuổi có thể hoạt động một cách thoải mái, tích cực trong gia đình họ, trong khu phố hay rộng hơn là xã hội họ đang sinh sống, từ đó cũng giúp cho người cao tuổi mang lại nhiều giá trị hơn cho cộng đồng (L. Plouffe và A. Kalache, 2010). Hay nói cách khác, đây là môi trường hỗ trợ về kết cấu hạ tầng và các dịch vụ phù hợp với nhu cầu người cao tuổi (T. Buffel và C. Phillipson, 2016).

Nhằm thu hút cũng như hỗ trợ các thành phố trở nên thân thiện với người cao tuổi hơn, WHO (2007) đã đưa ra một danh sách các đặc điểm thiết yếu của thành phố thân thiện này. Thành phố thân thiện với già hóa lấy ý tưởng từ mô hình sinh thái của Lawton và Nahemow năm 1973 (M. Powell Lawton, 1985). Mô hình này cho thấy mối quan hệ tương tác giữa sự tích lũy của cá nhân và thay đổi môi trường để duy trì sự tối ưu, khi về già. Đây sẽ là một động thái vô cùng tích cực trong công cuộc thúc đẩy già hóa chủ động (L. Plouffe và A. Kalache, 2010).

Các lĩnh vực này được phân thảo gồm: không gian ngoài trời và các tòa nhà; nhà ở; cộng đồng hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe; giao thông; truyền thông và thông tin; sự tham gia của toàn xã hội; tôn trọng và hòa nhập cộng đồng. WHO đã đưa ra điểm tích cực nhất của hệ thống các yếu tố trên là phù hợp cả với các nước phát triển và đang phát triển, mặc dù già hóa tại các đô thị đang diễn ra mạnh mẽ hơn tại các nước phát triển (WHO, 2007).

Để có một góc nhìn bao quát hơn, tác giả đã chia các yếu tố trên theo 3 khía cạnh chính: nâng cao nhận thức của toàn xã hội nói chung và chính người cao tuổi riêng về già hóa, giúp người cao tuổi luôn coi tự coi mình là một nguồn lực của đất nước; ứng dụng công nghệ, đồng bộ hệ thống hóa, trao quyền truy cập giúp cho người cao tuổi có thể tiếp cận mọi tiện ích và dịch vụ xã hội một cách dễ dàng, thuận tiện; xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi cả về thể chất lẫn tinh thần.

Thứ nhất, về nâng cao nhận thức

Nâng cao nhận thức về vai trò và vị thế của người cao tuổi là tiền đề quan trọng cho các chiến lược và kế hoạch để nâng cao chất lượng cuộc sống của chính chúng ta.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia từ phát triển đến đang phát triển đang phải đối diện với các thách thức của già hóa và chúng ta cũng thường nhìn nhận già hóa, nhất là nhóm tuổi thứ tư theo một lối mòn đầy tiêu cực: yếu đuối, bệnh tật, phụ thuộc, tỷ lệ tử vong cao; đi cùng đó là thiếu hụt lao động, gánh nặng y tế, an sinh xã hội.

Để xử lý vấn đề này, việc nâng cao nhận thức về già hóa là rất cần thiết. Một trong những giải pháp quan trọng đưa ra là “trao quyền cho người cao tuổi”. Sự trao quyền cho người cao tuổi thường được thể hiện thông qua việc thành lập các hiệp hội, như: Hội người cao tuổi tại Việt Nam; Hiệp hội hưu trí tại Barcelona, Tây Ban Nha; Hiệp hội Liên minh công dân, người hưu trí và thường binh tại Ba Lan... Các hiệp hội này thường được hỗ trợ từ ngân sách của nhà nước, thành phố để tổ chức hoạt động cho người cao tuổi trong nhiều lĩnh vực, như: y tế, giáo dục, xã hội, thể chất lẫn tinh thần và lối sống tích cực.

Một cách đơn giản hơn, người cao tuổi cũng có thể tham gia các diễn đàn, tổ chức cộng đồng đại diện cho lợi ích của người cao tuổi và ở nhiều thành phố, các tổ chức người cao tuổi này có quyền tham gia hoạch định chiến lược, hình thành chính sách phát triển cho thành phố. Trao quyền cho người cao tuổi cũng chính là trao quyền cho họ có trách nhiệm tích cực đối với sự già hóa của chính họ (Laverack G., 1999).

Thứ hai, xây dựng kết cấu hạ tầng, môi trường xung quanh

Hiện nay, một vấn đề quan ngại đó là khả năng chi trả, khi mà tại các thành phố lớn, giá bất động sản cao và nhu cầu về nhà ở sinh sống của cả người cao tuổi lẫn người trẻ đều cao; khi mà mọi cá nhân trong xã hội, không chỉ riêng người cao tuổi, phải đối mặt với các loại chi phí ngày càng tăng, như: dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc men, chi phí sinh hoạt điện nước, chi phí an uống, vật dụng thiết yếu, mà chi phí nhà ở lại chiếm một phần không tương ứng với thu nhập hay các khoản trợ cấp sinh hoạt. Điều này có thể được giải quyết bằng 3 phương án, như: (1) Thiết kế những ngôi nhà nhỏ có giá cả phải chăng hơn; (2) Xây những ngôi nhà lớn, nhưng thiết kế phù hợp cho nhiều người cùng thuê hoặc mua ở chung, việc này sẽ tạo cảm giác sống cởi mở gần gũi, chia sẻ, thăm khám thường xuyên cùng nhau, hay giúp đỡ lẫn nhau khi đau ốm, cũng tạo cho người cao tuổi luôn có cơ hội được tương tác, tránh cảm thấy bị cô đơn hay bị bỏ rơi; (3) Xây dựng khu nhà dưỡng lão - một quần thể, cộng đồng lớn hơn, tích hợp nhiều tiện nghi cho người cao tuổi hơn, luôn có các y bác sĩ, điều dưỡng chăm sóc sức khỏe, cũng như dinh dưỡng, các hoạt động, câu lạc bộ phù hợp.

Xây dựng những địa điểm hay những khu phố thân thiện với già hóa còn bao gồm: sửa đổi những ngôi nhà hiện có, thiết kế phù hợp với nguy cơ giảm khả năng vận động, để mất cân bằng hay té ngã của người cao tuổi; hay cần thiết kể lối đi vào thông thoáng, thuận tiện cho việc cứu thương dùng công di chuyển; đặc biệt các dịch vụ, tiện ích khu dân cư phải đề dàng tiếp cận (M. Powell Lawton, 1983).

Bên cạnh đó, còn nhiều vấn đề cản trở trong trong giao thông công cộng, như: việc lên xuống khi sử dụng xe buýt, nhà vệ sinh công cộng, phần hành lang, vỉa hè cho người đi bộ, xe lăn, xe đẩy. Tích hợp được khả năng đi lại của dân cư và giải quyết thách thức thực sự cho hoạt động thị để phân phối dịch vụ các cửa hàng, trung tâm y tế đồng đều, đề dàng tiếp cận, khoảng cách đi lại ngắn là một phép đo thực đây già hóa dân số tại các đô thị tích cực.

Thứ ba, ứng dụng khoa học, công nghệ

V. Righi và cộng sự (2015) đã cho chúng ta một định hướng mới về thành phố thông minh, nơi mà người cao tuổi là một yếu tố quan trọng trong cộng đồng đa thế hệ. Thành phố thông minh là thành phố có ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin để tổ chức và cung cấp các chức năng của đô thị, như: quản lý chi phí bảo trì cơ sở vật chất hạ tầng (cầu, đường, sân bay, cảng biển, hệ thống cống thoát nước...); quản lý tiêu thụ các nguồn năng lượng (điện, nước, xăng, dầu...); sử dụng hiệu quả các khu vực công (M. Batty và cộng sự, 2012).

Đối với dân số già, thành phố thông minh bao gồm: các hệ thống theo dõi sức khỏe, tự động đánh giá nhu cầu cần hỗ trợ, ứng phó khi khẩn cấp, giải trí, kết nối, chăm sóc sức khỏe tinh thần (IEEE, 2013).

Trong thành phố thông minh sẽ có các hệ thống ngôi nhà thông minh và chúng là một giải pháp để hỗ trợ lão hóa tại chỗ, (ví dụ như ngôi nhà có thông minh có khả năng hỗ trợ cuộc sống người cao tuổi trở nên độc lập hơn với chức năng chuẩn bị đồ ăn, dọn dẹp, cũng như hỗ trợ theo dõi tình trạng sức khỏe) (T. L. Mitzner và cộng sự, 2010). Mặc dù có nhiều lợi ích, cũng như điểm mạnh, nhưng nhà thông minh không tồn tại phổ biến. mức độ ứng dụng thấp do nhiều lý do, như: chi phí, công nghệ...

Trên thế giới cũng đã có nhiều thành phố tiên tiến, như: Netherlands, Poland... đã triển khai ứng dụng mô hình thành phố và ngôi nhà thông minh. Việt Nam cũng có nhu cầu, nhưng còn rất nhiều hạn chế những nhà đầu tư dám thâm nhập vào thị trường đầy mạo hiểm này. Một ứng cử viên đầy sáng giá trong lĩnh vực này là bất động sản như Vingroup mới đây đã đưa ra mô hình đô thị thông minh thu nhỏ trong một cộng đồng các khu chung cư thông minh, gắn với cho người cao tuổi “Vinhomes Smart City”. Tại đây, cung cấp các gói “smarthon” biến căn hộ trở thành một người quản gia thông minh và đầy chuyên nghiệp, có camera quan sát

để các thành viên trong gia đình có thể cập nhật tình hình bố mẹ, ông bà ở xa. Trong căn hộ còn tích hợp nhiều thiết bị chăm sóc y tế, như: đo nhịp tim, cường độ vận động, đánh giá chất lượng giấc ngủ và có dự báo khẩn cấp trong trường hợp cần thiết. Người thân, cũng như y tá, hệ lý có thể xuất hiện kịp thời đúng nơi người cao tuổi té ngã, va chạm hay cần hỗ trợ... (Vinhomes, 2019). Đây là một mô hình chung cư, khu đô thị kiểu mẫu, nếu chi phí, giá cả hợp lý với thu nhập của số đông cư dân tại các thành phố lớn, thì việc nhân rộng các mô hình trên hoàn toàn là cần thiết và nên có sự trợ giúp, tạo điều kiện của Nhà nước, chính quyền.

KẾT LUẬN

Sự già hóa của dân số sống trong đô thị toàn cầu nói chung và ở Việt Nam nói riêng cần có sự tiếp cận thân thiện

hơn, cần áp dụng các phương pháp già hóa lành mạnh, già hóa chủ động, thay vì tập trung vào đối mặt với bệnh tật và sự phụ thuộc. Bên cạnh việc kéo dài cuộc sống làm việc lành mạnh, tạo môi trường xã hội cũng như thể chất cho người cao tuổi, thì Nhà nước cần có chương trình, kế hoạch phối kết hợp trong nhiều lĩnh vực: y tế, dịch vụ xã hội, giao thông công cộng... cùng chung tay xây dựng thành phố thông minh thân thiện với già hóa.

Xây dựng một thành phố thân thiện với già hóa cần tập trung vào các khía cạnh chính: nâng cao nhận thức của toàn xã hội nói chung và chính người cao tuổi nói riêng về già hóa, giúp người cao tuổi luôn coi tự coi mình là một nguồn lực của đất nước; ứng dụng công nghệ, đồng bộ hệ thống hóa, trao quyền truy cập giúp cho người cao tuổi có thể tiếp cận mọi tiện ích và dịch vụ xã hội một cách dễ dàng, thuận tiện; xây dựng kết cấu hạ tầng hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi cả về thể chất lẫn tinh thần. Trong đó, điểm mấu chốt, để thành công trong xây dựng thành phố thân thiện với già hóa, là tăng cường ứng dụng, sử dụng công nghệ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (1979, 1989, 1999, 2009, 2019). *Kết quả Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 1979, 1989, 1999, 2009, 2019*
2. Nguyễn Nam Phương, Ngô Quỳnh An (2016). *Giáo trình Dân số và Phát triển với Quản lý*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân
3. Giang Thanh Long (2019). *Chính sách an sinh xã hội đối với già hóa dân số ở Việt Nam*, truy cập từ <http://www.lapthap.vn/Pages/TinTuc/210245/Chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-doi-voi-gia-hoan-dan-so-o-Viet-Nam.html>
4. Vinhomes (2019). *Đô thị thông minh xóa tan mọi nỗi lo của người lớn tuổi*, truy cập từ <https://thanhnien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/doi-thi-thong-minh-xoa-tan-moi-lo-cua-nguoi-lon-tuoi-1095139.html>
5. M. Batty et al. (2012). Smart cities of the future, *Eur. Phys. J. Spec. Top.* 214(1), 481-518
6. T. Buffel and C. Phillipson (2016). Can global cities be 'age-friendly cities'? *Urban development and ageing populations*, *Cities*, 55, 94-100
7. B. Gunter (1998). *Understanding the Older Consumer: The Grey Market*, Routledge
8. IEEE (2013). *Toward a context-aware and automatic evaluation of elderly dependency in smart homes and cities*, IEEE Conference Publication
9. Laverack G. (1999). Addressing the contradiction between discourse and practice in health promotion, Ph.D. thesis, *School of Health Sciences*, Deakin University
10. T. L. Mitzner et al. (2010). Older adults talk technology: Technology usage and attitudes, *Comput. Hum. Behav.*, 26(6), 1710-1721
11. M. Powell Lawton (1983). Environment and Other Determinants of Well-Being in Older People, *The Gerontologist*, 23(4), 349-357
12. M. Powell Lawton (1985). *The Elderly in Context: Perspectives from Environmental Psychology and Gerontology*, access to <https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/0013916585174005>
13. L. Plouffe and A. Kalache (2010). Towards Global Age-Friendly Cities: Determining Urban Features that Promote Active Aging, *J. Urban Health*, 87(5), 733-739
14. Ritsatakis A. (2005). *A positive and dynamic model for profiling older people in cities*. Unpublished paper presented to the first Healthy Ageing Sub-Network Meeting, Stockholm
15. V. Righi, S. Sayago, and J. Blat (2015). *Urban ageing: technology, agency and community in smarter cities for older people*, in Proceedings of the 7th International Conference on Communities and Technologies, Limerick, Ireland
16. WHO (2007). *Global age-friendly cities: a guide*, access to https://www.who.int/ageing/age_friendly_cities_guide/en/